

Bản án số: 388/2018/DS-ST

Ngày: 18/10/2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Nguyệt.
2. Bà Nguyễn Thị Như Sương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2017/TLST-DS ngày 17/10/2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXXST-DS ngày 20/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2018/QĐST-DS ngày 19/9/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty tài chính J; địa chỉ trụ sở: đường N, Phường H, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Mai Hùng C - Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/7/2017).

Ông C có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2017 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án ông Mai Hùng C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 26/4/2016, Công ty tài chính J – là nguyên đơn (viết tắt là “Công ty J”) và ông Nguyễn Văn H – là bị đơn ký kết với nhau Giấy đề nghị kèm hợp đồng vay, số hợp đồng: 1012-000-002-1324-000 với nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 33.495.000 đồng, thời hạn vay là 20 tháng, mục đích vay tiền mua xe trả góp, hình thức vay tín chấp, lãi suất cho vay 2,90%/tháng. Theo thỏa

thuận bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 44.633.483 đồng, số tiền trả góp hàng tháng là 2.230.626 đồng vào ngày 22 hàng tháng.

Thực hiện hợp đồng vay, bị đơn đã nhận được khoản tiền vay và thực hiện việc trả nợ cho nguyên đơn được 06 lần với tổng số tiền là 13.405.253 đồng và ngưng không thực hiện việc trả nợ kể từ ngày 02/11/2016 cho đến nay. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày xét xử 18/10/2018 tổng cộng là 36.985.310 đồng (trong đó, số tiền nợ gốc còn lại của hợp đồng là 25.413.527 đồng, tiền lãi là 9.812.713 đồng và số tiền phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ là 1.759.070 đồng), trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Công ty J khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả số tiền còn nợ. Theo Kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 có hộ khẩu thường trú tại số đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay không có mặt tại nhà, đi đâu không rõ. Do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại đơn khởi kiện là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn Công ty J do ông Mai Hùng C làm đại diện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào

điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông H vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông H đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

Căn cứ vào Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay, số hợp đồng: 1012-000-002-1324-000 lập ngày 26/4/2016 được ký giữa ông Nguyễn Văn H và Công ty J; căn cứ vào Bảng liệt kê lịch sử thanh toán của nguyên đơn, có cơ sở để xác định ông Nguyễn Văn H đã vay của Công ty J số tiền là 33.495.000 đồng, lãi suất 2,90%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Công ty JIVF đã giải ngân số tiền vay và ông H đã nhận được khoản tiền vay. Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã thanh toán cho Công ty J được 06 kỳ với tổng số tiền là 13.405.253 đồng, trong đó trả nợ gốc là 8.081.473 đồng và trả tiền lãi là 5.302.283 đồng và tiền phạt là 21.497 đồng. Từ ngày 02/11/2016 đến nay ông H không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty J. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty J khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán khoản tiền nợ gốc, tiền lãi và tiền phạt của Hợp đồng vay là có căn cứ. Tính đến ngày 18/10/2018, ông Nguyễn Văn H còn nợ Công ty J số tiền tổng cộng là 36.985.310 đồng, trong đó, nợ gốc là 25.413.527 đồng, tiền lãi là 9.812.713 và tiền phạt là 1.759.070 đồng.

Về số tiền phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ 1.759.070 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả; căn cứ vào Điều 6.6 của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay có nội dung: *“Trong trường hợp bên vay chậm thanh toán bất kỳ khoản phải trả đến hạn nào theo Hợp đồng này, bên vay phải chịu một khoản phạt vi phạm đối với mỗi lần chậm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán”*. Theo quy định tại khoản 2, Điều 13 Quyết định số 20/VBHN-NHNN của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 22 tháng 05 năm 2014 về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: *“Đối với khoản nợ vay không trả nợ đúng hạn, được tổ chức tín dụng đánh giá là không có khả năng trả nợ đúng hạn và không chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng đó là nợ quá hạn và tổ chức tín dụng thực hiện các biện pháp để thu hồi nợ; việc phạt chậm trả đối với nợ quá hạn và nợ lãi vốn vay do hai bên thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật”*. Do đó yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn H nhưng ông H vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ kiện, không giao nộp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để bảo vệ quyền lợi của mình, cũng như không có bất cứ sự phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ và không có cơ sở để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc ông Nguyễn Văn H nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền của khoản nợ tính đến ngày 18/10/2018 tổng cộng là 36.985.310 đồng, trong đó, nợ gốc là 25.413.527 đồng, tiền lãi là

9.812.713 đồng và tiền phạt là 1.759.070 đồng. Ông H còn phải trả tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 19/10/2018 cho đến khi ông H trả xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất, mức phạt vi phạm mà ông H đã thỏa thuận với Công ty J.

Công ty J là công ty tài chính có chức năng kinh doanh tiền tệ. Việc bị đơn chậm thanh toán nợ như trên gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Công ty J không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho Công ty J theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 186, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, 244, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 2, Điều 13 Quyết định số 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính J về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả nợ.

2. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính J số tiền còn nợ tính đến ngày 18/10/2018 là: 36.985.310 đồng (Ba mươi sáu triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm mười đồng), trong đó nợ gốc là 25.413.527 đồng, nợ lãi là 9.812.713 đồng, tiền phạt là 1.759.070 đồng. Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả tiền lãi, tiền phạt tiếp tục phát sinh tính từ ngày 19/10/2018 cho đến khi trả hết khoản nợ theo mức lãi suất, mức phạt vi phạm được quy định tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay lập ngày 26/4/2016 được ký giữa ông Nguyễn Văn H và Công ty J.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí là 1.849.266 đồng (Một triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng).

Hoàn lại cho Công ty tài chính J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 842.553 đồng (Tám trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm năm mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004470 ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Phúc